

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 01 - 2023
V/v ly hôn giữa chị H và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải Anh

Ông Trần Xuân Chính

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt);

ĐKKHKT: Tổ dân phố số 12, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện nay: Đội 8, xóm mới B, xã H, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Phạm Văn K sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố số 12, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022 và biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022 nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn K tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 30 tháng 10 năm 2006. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến đánh chửi nhau. Chị và anh K đã sống ly thân từ năm 2017 không đoàn tụ lại, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có 2 con chung là Phạm Thị Ý N, sinh ngày 17/10/2008 và Phạm Quang Đ sinh ngày 24/11/2010. Từ khi anh K đi chấp hành án (tháng 6 năm 2017 đến tháng 10 năm 2022) thì các con ở cùng chị trên Hà Nội.

Từ đầu tháng 11 năm 2022 đến nay, anh K chấp hành án xong đã đưa cả 2 con về ở cùng anh tại thị trấn N. Khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin được trực tiếp nuôi cháu Phạm Quang Đ vì cháu Đ rất muốn được ở với chị, giao anh K tiếp tục nuôi cháu N, chị và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được thăm nom con theo quy định pháp luật.

Trường hợp anh K có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 2 con chung khi ly hôn, chị nhất trí giao 2 con chung cho anh K nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật nếu anh K có yêu cầu.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022 bị đơn anh Phạm Văn K trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định vào tháng 10 năm 2006. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, nhưng trong thời gian anh bị bắt tạm giam và đi chấp hành án 4 năm về tội cố ý gây thương tích (từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2022), chị H ở nhà không chung thủy, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh đã động viên chị H quay trở về gắn kết tình cảm vợ chồng nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn vì bản thân anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cho các con có mái ấm gia đình trọn vẹn.

Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung họ tên, ngày tháng năm sinh của các con đúng như chị H trình bày, hiện các con đang ở với anh. Nếu phải ly hôn, anh không đồng ý giao con cho chị H nuôi, mà anh có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cho anh. Vì, hiện anh có nhà ở riêng, anh làm nghề cơ khí tự do có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 15.000.000 đồng 20.000.000 đồng.

Tại đơn đề nghị ngày 15/12/2022 của cháu N và biên bản lấy lời khai của cháu Đ, các cháu đều có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với bố để chị em luôn có nhau, đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn K

- Về nuôi con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao anh K nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Ý N, sinh ngày 17/10/2008 và Phạm Quang Đ, sinh ngày 24/11/2010. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K, chị H

không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K và có quyền thăm mon con chung không ai được cản trở.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn K đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 30/10/2006, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình vợ chồng chung sống chị H trình bày thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tình cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K.

Anh K có ý kiến: Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, nhưng trong thời gian anh đi chấp hành án, ở nhà chị H không chung thủy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung vì vậy không đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh K không hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn K của chị Đỗ Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Giữa chị H và anh K có 02 con chung là Phạm Thị Ý N, sinh ngày 17/10/2008 và Phạm Quang Đ, sinh ngày 24/11/2010 hiện đang ở cùng anh K.

Khi giải quyết ly hôn xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh K có nguyện vọng được nuôi các con chung, hiện anh đã có nhà riêng, làm nghề cơ khí có thu nhập ổn định, nên không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con; Chị H nhất trí giao các con chung cho anh K nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nếu anh K có yêu cầu; các cháu N và Đ đều có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với bố. Ý kiến của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái Đ đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao các con chung là Phạm Thị Ý N và Phạm Quang Đ cho anh Phạm Văn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K, không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn K

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao các con chung là Phạm Thị Ý N, sinh ngày 17/10/2008 và Phạm Quang Đ, sinh ngày 24/11/2010 cho anh Phạm Văn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp đã nộp ứng án phí theo Biên lai số 0004818 ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Anh

Trần Xuân Chinh

Nguyễn Thị Ánh